

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VINH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2018/HS-ST
Ngày 26 - 7- 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn P Thanh

Ông Lê M Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hồ Quế Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên tòa: Ông Hồ Tuấn Huy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 27/2018/TLST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2018/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo:

Đồng Thị Trúc P, sinh ngày 27 tháng 4 năm 1986. Nơi cư trú: Số 5, khóm K, thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hoá (học vấn): 5/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đồng Công B và bà Phạm Thị V; có chồng và 02 con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: không; không có bị bắt, tạm giam (Có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Phan Thanh Tuyền là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

- *Bị hại:* Chị Mạc Thị Thanh Thúy, sinh năm 1985 trú tại: Số 38/3, khóm 6, thị trấn Long Hồ, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Bùi Công M, sinh năm 1984 trú tại: Số 5, khóm K, thị trấn L,

huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bà Nguyễn Thị Mười M, sinh năm 1967; trú tại: ấp Bình, xã Hòa , huyện Mang T, tỉnh Vĩnh Long.

3. Bà Lê Thị Mỹ D, sinh năm 1969; trú tại: ấp A, xã Long P, huyện Long H, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Tại cáo trạng số 29/CT-VKS, ngày 11/6/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long truy tố bị cáo Đồng Thị Trúc P như sau: Đồng Thị Trúc P được chị Mạc Thị Thanh Thúy thuê phụ bán thịt heo tại sạp thịt của chị Thúy từ tháng 11 năm 2016. Vào tháng 11 năm 2017 trong lúc quét dọn sạp thì bị cáo nhặt được chìa khóa cửa sạp. Biết chị Thúy thường để giỏ xách tiền trong sạp để đến rạng sáng đi lấy thịt, không ai trông giữ sạp nên bị cáo nảy sinh ý định dùng chìa khóa mở cửa sạp trộm tiền của chị Thúy.

Vào khoảng 03 giờ 45 phút ngày 27/3/2018, bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 64H8-9124 đến sạp thịt chị Thúy vì biết rõ thời điểm này bị hại không có ở sạp. Khi đến sạp thịt, bị cáo dùng chìa khóa nhặt được mở cửa sạp sau đó vào trong đến vị trí bình gas thì phát hiện có 01 giỏ xách bên trong có tiền. Bị cáo lấy 01 cọc tiền mệnh giá 500.000đ và nhiều tờ tiền mệnh giá 20.000đ, 10.000đ, 5.000đ để vào túi áo khoác sau đó đóng cửa sạp và điều khiển xe về nhà. Khi về nhà, bị cáo kiểm tra số tiền mệnh giá 20.000đ, 10.000đ, 5.000đ được 1.400.000đ để vào ví. Còn cọc tiền 500.000đ bị cáo không kiểm tra mà để vào cốp xe. Đến khoảng 04 giờ cùng ngày, bị cáo mở cốp xe lấy 04 tờ tiền mệnh giá 500.000đ từ cọc tiền vừa trộm để vào túi và chở con của bị cáo là Đồng Quốc Anh đến sạp thịt làm việc bình thường. Đến 04 giờ 30 phút cùng ngày chị Thúy phát hiện mất tài sản nên trình báo công an.

Qua làm việc, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp của mình. Kiểm tra người của bị cáo và cốp xe xác định được số tiền bị cáo lấy cắp của bị hại là 31.400.000đ.

Trong quá trình điều tra, bị cáo khai nhận từ tháng 12 năm 2017, bị cáo đã dùng chìa khóa nhặt được mở cửa sạp nhiều lần lấy trộm tiền của chị Thúy với tổng số tiền 4.000.000đ. Số tiền này bị cáo dùng trả nợ cá nhân.

Tại phiên tòa: Bị cáo thừa nhận có trộm của bị hại số tiền 31.400.000đ và từ tháng 12 năm 2017 bị cáo trộm của bị hại nhiều lần với số tiền 4.000.000đ.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Truy tố bị cáo về tội trộm cắp tài sản là đúng. Đề nghị Tòa án áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, r, s, x khoản 1 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo mức án 06

tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Bị hại yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo qui định pháp luật và bị cáo phải bồi thường bị hại số tiền 40.000.000đ như bị cáo đã hứa.

Bà Nguyễn Thị Mười M trình bày: Bị cáo thiếu bà 6.000.000đ nhưng trả nhiều lần mới được 2.000.000đ còn nợ lại 4.000.000đ. Bà không có yêu cầu gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia xét xử phân tích đánh giá vụ án và phát biểu quan điểm luận tội đã khẳng định nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo mức án từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 3.700.000đ.

Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong nên không đặt ra để giải quyết.

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí cho bị cáo vì bị cáo hộ nghèo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa anh Bùi Công M và bà Lê Thị Mỹ D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Bị cáo thừa nhận: Vào khoảng 03 giờ 45 phút ngày 27/3/2018, bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 64H8-9124 đến sạp thịt của bị hại vì biết rõ thời điểm này bị hại không có ở sạp. Khi đến sạp thịt, bị cáo dùng chìa khóa nhặt được mở cửa sạp sau đó vào trong đến vị trí bình gas thì phát hiện có 01 giỏ xách bên trong có tiền. Bị cáo lấy 01 cọc tiền mệnh giá 500.000đ và nhiều tờ tiền mệnh giá 20.000đ, 10.000đ, 5.000đ để vào túi áo khoác sau đó đóng cửa sạp và điều khiển xe về nhà. Khi về nhà, bị cáo kiểm tra số tiền mệnh giá 20.000đ, 10.000đ, 5.000đ được 1.400.000đ để vào ví. Còn cọc tiền 500.000đ, bị cáo không kiểm tra mà để vào cốp xe. Đến khoảng 04 giờ cùng ngày, bị cáo mở cốp xe lấy 04 tờ tiền mệnh giá 500.000đ từ cọc tiền vừa trộm để vào túi và chở con của bị cáo là Đồng Quốc Anh đến sạp thịt làm việc bình thường. Đến 04 giờ 30 phút cùng ngày bị hại phát hiện mất tài sản nên trình báo công an. Sau khi kiểm tra người của bị cáo và cốp xe xác định được số tiền bị cáo lấy cắp của bị hại là 31.400.000đ. Tháng 12 năm 2017 bị cáo có trộm tiền của bị hại nhiều lần với số tiền 4.000.000đ. Do đó, bị cáo đã phạm

tội “ Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa P. Hành vi của bị cáo làm cho quần chúng nhân dân địa P bất bình, xã hội lên án. Trước đó bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bị hại nhiều lần. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng đối với hành vi phạm tội của bị cáo để răn đe, giáo dục bị cáo.

Nhưng xét thấy bị cáo đã tự nguyện nộp 300.000đ để khắc phục hậu quả; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo thừa nhận trước đó đã trộm nhiều lần của bị hại với số tiền 4.000.000đ, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, cha của bị cáo là ông Đồng Công Bi được tặng huy chương giải phóng. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ ở điểm b, i, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Căn cứ vào Điều 65 của Bộ luật hình sự và Điều 2 của Nghị quyết Số: 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân tối cao thì bị cáo có nhân thân tốt và có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trở lên nên theo đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa cho bị cáo được hưởng án treo là có căn cứ. Do đó Tòa án chấp nhận cho bị cáo được hưởng án treo.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại số tiền 31.400.000đ nên không giải quyết.

Xét bị hại yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 40.000.000đ mà bị cáo đã trộm từ tháng 12 năm 2017 là chỉ có căn cứ để chấp nhận một phần. Bởi vì bị cáo chỉ thừa nhận trộm của bị hại nhiều lần với số tiền 4.000.000đ nên chỉ có cơ sở buộc bị cáo trả lại bị hại số tiền 4.000.000đ. Bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ số tiền 300.000đ theo biên lai thu tiền số 001229 ngày 06/06/2018 (BL: 142). Vì vậy buộc bị cáo nộp thêm số tiền 3.700.000đ để bồi thường cho bị hại là phù hợp các Điều 584 và 589 của Bộ luật dân sự.

[4] Về xử lý vật chứng:

- Chiếc xe mô tô biển số 64H8 - 9124 hiệu Yamaha Nouvo màu đen là xe của anh Bùi Công M (chồng bị cáo) mua lại của chồng bị hại. Tuy là P tiện mà bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội nhưng khi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, anh M không biết việc bị cáo dùng xe để trộm. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Hồ đã trả lại cho anh M.

- 01 chìa khóa bằng kim loại màu trắng có chữ Zgucci và 01 ổ khóa màu trắng, vàng đã qua sử dụng hai bên ổ khóa có dòng chữ giống nhau: Zgucci là tài sản của bị hại.

- Số tiền 625.000đ và 01 cái ví bên trong có một số giấy tờ tùy thân là của bị cáo không liên quan gì đến hành vi phạm tội của bị cáo.

Tất cả những vật chứng trên, Cơ quan cảnh sát điều tra trả lại tài sản nên tại phiên tòa không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: buộc bị cáo nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Xét bị cáo có đơn xin miễn án phí ngày 11/7/2018 do gia đình thuộc diện hộ cận nghèo. Theo qui định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án qui định: những trường hợp được miễn tạm ứng án phí, án phí là cá nhân thuộc hộ nghèo nên Tòa án miễn toàn bộ án phí cho bị cáo.

Xét lời bào chữa cho bị cáo là có căn cứ để chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: khoản 1 Điều 173; điểm b, i, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự.

- Tuyên bố bị cáo Đồng Thị Trúc P phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt bị cáo Đồng Thị Trúc P 01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 năm kể từ ngày tuyên án.

Giao người hưởng án treo cho Ủy ban nhân dân thị trấn Long Hồ, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long giám sát giáo dục. Gia đình người hưởng án treo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn Long Hồ và người được phân công trong việc giám sát, giáo dục người hưởng án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584 và 589 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 3.700.000đ (Ba triệu, bảy trăm ngàn đồng).

3. Về xử lý vật chứng: Đã trả xong nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn toàn bộ án phí hình sự và dân sự cho bị cáo.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của những người được thi hành án nếu người bị thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSNDH Long Hồ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Tấn Phong